

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 tháng 4 năm 2024

Về việc ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-HN, ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, giữa các đương sự: Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị T**, sinh năm 1972 và bị đơn: Ông **Võ Tá T1**, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: **Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông**; các đương sự đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nội dung đơn khởi kiện nhận ngày 11/3/2024, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà **Vũ Thị T** trình bày:

Bà **T** và ông **T1** kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Ông bà 03 con chung là **Võ Thị Vân A**, sinh năm 1993, **Võ Thị Á**, sinh năm 1997; **Võ Thị Hạnh A1**, sinh năm 2004, các con đều đã trưởng thành. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng: Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì không hợp tính nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung trong nhà nhưng không ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau vì vậy bà **T** khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giải quyết cho ly hôn với ông **Võ Tá T1**. Về con

chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/4/2024, bà **Vũ Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như nội dung đã trình bày.

2. Theo lời khai của bị đơn trong quá trình tố tụng ông **Võ Tá T1** trình bày:

Ông **Võ Tá T1** đồng ý với nội dung trình bày của bà **Vũ Thị T** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông **T1** không đồng ý ly hôn. Ông **T1** chỉ đồng ý ly hôn với bà **Vũ Thị T** sau khi đã bán được nhà để trả nợ hoặc bà **T** từ bỏ, không yêu cầu được chia tài sản chung. Đối với các con chung thì đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu. Ông **T1** cũng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị T**.

Về hôn nhân: Bà **Vũ Thị T** được ly hôn với ông **Võ Tá T1**.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên không đề nghị.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị.

Về án phí: Bà **Vũ Thị T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà **Vũ Thị Tinh yêu c** ly hôn với ông **Võ Tá T1**, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông **Võ Tá T1** hiện đang sinh sống tại **thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Vũ Thị T** và ông **Võ Tá T1** kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại **UBND phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh**. Hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Bà **T** và ông **T1** đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2023 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung trong nhà nhưng không còn ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ông **T1** không đồng ý ly hôn với bà **T** là do các bên chưa thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung chứ không phải vì còn tình cảm yêu thương và mong muốn đoàn tụ nên HĐXX không chấp nhận. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà **T** và ông **T1** là trầm trọng, không thể khắc phục, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, không còn sống chung với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của bà **Vũ Thị T** được ly hôn với ông **Võ Tá T1**.

[2.2]. Về con chung: Bà **T** và ông **T1** có 03 con chung là **Võ Thị Vân A**, sinh năm 1993, **Võ Thị Á**, sinh năm 1997; **Võ Thị Hạnh A1**, sinh năm 2004, các con đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà **Vũ Thị T** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Vũ Thị T.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Vũ Thị T** được ly hôn với ông **Võ Tá T1.**

2. Về án phí: Bà **Vũ Thị T** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005784 ngày 18/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đăk Mil;
- UBND P. Cửa Ông;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh

Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa